

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VỊ THỦY  
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 295/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 15 – 12 – 2020  
V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY,  
TỈNH HẬU GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa:* Ông Lư Trường Tây

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Ngô Văn Phal

Ông Đặng Văn Côn

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Trung Toàn – Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

**- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Kiều Loan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 263/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 126/2020/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Tăng Thị C, sinh năm: 1988.

Địa chỉ: ấp Đ, xã V, thị xã M, tỉnh S (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1990.

Địa chỉ: ấp 3, xã T, huyện B, tỉnh H (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Tăng Thị C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Tăng Thị C và anh Nguyễn Văn T tự nguyện tiến

tới hôn nhân và đăng ký kết hôn ngày 20/6/2010<sup>3</sup> tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh H.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng về sau vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn, không cùng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi là do anh Nguyễn Văn T không chăm lo cho cuộc sống gia đình, thường xuyên tham gia các tệ nạn xã hội, làm cho cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc. Chị Tăng Thị C và anh Nguyễn Văn T đã ly thân từ năm 2016 cho đến nay nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Có 01 người con tên Nguyễn Tấn L, sinh ngày: 27/3/2013 (Giới tính: Nam) đang sống với anh Nguyễn Văn T nên sau khi ly hôn chị Tăng Thị C đồng ý để anh Nguyễn Văn T được tiếp tục nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Trong quá trình tiến hành tố tụng, từ khi Tòa án thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn anh Nguyễn Văn T để tiến hành phiên họp, phiên hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do nên Tòa án không ghi được lời khai của bị đơn cũng như bị đơn không thể hiện ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩ Thủy, tỉnh Hậu Giang phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký, nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn không chấp hành đúng theo giấy triệu tập của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tăng Thị C được ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Về con chung anh Nguyễn Văn T được tiếp tục nuôi dưỡng Nguyễn Tấn L. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã thể hiện trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại tòa án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập, thông báo hợp lệ lần hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình về tranh chấp ly hôn*”, căn cứ theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện yêu cầu ly hôn của chị Tăng Thị C: Để chứng minh cho việc yêu cầu ly hôn của mình, chị Tăng Thị C đã cung cấp giấy chứng nhận kết hôn (bản chính) và các tài liệu đơn xin xác nhận nơi cư trú của anh Nguyễn Văn T (bản chính); giấy khai sinh con chung (bản sao). Hội đồng xét xử nhận thấy, qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai của chị Tăng Thị C, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp có đăng ký theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống chị Tăng Thị C và anh Nguyễn Văn T phát sinh mâu thuẫn, từ đó vợ chồng thường bất đồng quan điểm, cự cãi, không hợp nhau, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh chị đã ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng ly thân anh chị không đoàn tụ được và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị Tăng Thị C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện được ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Cho thấy, nguyên nhân mâu thuẫn trong hôn nhân là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nhận thấy, yêu cầu ly hôn của chị Tăng Thị C là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Có 01 người con tên Nguyễn Tấn L, sinh ngày: 27/3/2013 (Giới tính: Nam). Xét thấy, từ khi vợ chồng ly thân, anh Nguyễn Văn T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục Nguyễn Tấn L và chị Tăng Thị C cũng đồng ý để anh Nguyễn Văn T được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của Nguyễn Tấn L. Vì vậy, để không làm ảnh hưởng đến cuộc sống của Nguyễn Tấn L, Hội đồng xét xử xét thấy, việc tiếp tục giao cho anh Nguyễn Văn T được nuôi dưỡng Nguyễn Tấn L là phù hợp với các quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Văn T vắng mặt nên chưa thể hiện ý kiến có yêu cầu chị Tăng Thị C cấp dưỡng nuôi con chung hay không nên chưa xem xét.

Chị Tăng Thị C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Văn T vắng mặt không ghi được lời khai nên không xác định được khối tài sản chung, nợ chung của vợ chồng có hay không. Do đó, Hội đồng xét xử cần phải tách phần tài sản chung, nợ chung không giải quyết, nếu sau này các đương sự có yêu cầu khởi kiện kèm theo chứng cứ chứng minh thì sẽ giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[6] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Tăng Thị C phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9; Điều 51; Điều 53, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tăng Thị C được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Anh Nguyễn Văn T được tiếp tục nuôi dưỡng Nguyễn Tấn L, sinh ngày: 27/3/2013 (Giới tính: Nam). Anh Nguyễn Văn T chưa yêu cầu chị Tăng Thị C cấp dưỡng nuôi con chung nên chưa xem xét.

Chị Tăng Thị C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Chị Tăng Thị C và anh Nguyễn Văn T đều được thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích con chung các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Dành quyền khởi kiện cho chị Tăng Thị C và anh Nguyễn Văn T thành vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

4. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn Chị Tăng Thị C phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được chuyển từ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 0003420, ngày

08/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

5. Nguyên đơn chị Tăng Thị C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi bị đơn cư trú.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện Vị Thủy;
- Chi cục THA dân sự huyện Vị Thủy;
- UBND xã v;
- Lưu hồ sơ.

**(Đã ký)**

**Lư Trường Tây**